

Số: 11/2026/QĐST-TCDS

Quảng Trị, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2025/TLST-TCDS ngày 11 tháng 12 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Quảng Trị;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Quảng Trị;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Quảng Trị;

+ Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Quảng Trị;

+ Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng;

+ Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Số 110, Ấp Đ, xã N, thành phố Hồ Chí Minh;

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: 89 Văn Tứ Tây, Cam Hòa, xã C, tỉnh Khánh Hòa;

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh T, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Hồng T: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985;*

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Quảng Trị

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hàng thừa kế: Các bên đương sự thống nhất ông Nguyễn Bình T (chết năm 2008) và bà Hồ Thị Q (chết năm 2020) gồm có 07 người con là bà Nguyễn Thị Minh T, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Tiến K, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị Minh T. Ngoài ra ông T, bà Q không có người con nào khác, không có con nuôi.

- Về di sản thừa kế:

Các bên đương sự thống nhất, di sản thừa kế của ông Nguyễn Bình T và bà Hồ Thị Q để lại gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 867, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.795,7m² tại tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 03836030, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận VP 9626, do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/10/2025 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất ông Nguyễn Văn T là người đại diện cho những người được thừa kế.

- Về phân chia di sản thừa kế: Các bên đương sự thống nhất phân chia di sản thừa kế nói trên như sau:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị Minh T được quyền sử dụng diện tích đất S1 là 980,8m². Trong đó, đất ở 200m², đất trồng cây hàng năm khác 780,8m² (đất 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận là 40m², đất trồng cây hàng năm khác sử dụng đến ngày 31/8/1964 là 740,8m²) có tổng giá trị là: $(200\text{m}^2 \times 1.592.190 \text{ đồng/m}^2 + 40\text{m}^2 \times 46.000 \text{ đồng/m}^2 + 740,8 \text{ m}^2 \times 550.000 \text{ đồng/m}^2) \times 1.1$ (yếu tố thuận lợi hệ số hai mặt tiền) = 800.489.800 đồng. Đối với tài sản gắn liền với đất gồm nhà và các loại cây trồng trên phần đất S1 là tài sản do chị T xây dựng và trồng nên chị T được quyền tiếp tục sử dụng.

+ Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất S2 là 814,9m². Trong đó, đất ở 200m², đất trồng cây hàng năm khác 614,9m² (đất 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận là 41,1m², đất trồng cây hàng năm khác sử dụng đến ngày

31/8/1964 là 573,8m²) có tổng giá trị là: 200m² x 1.592.190 đồng/m² + 41,1m² x 46.000 đồng/m² + 573,8m² x 550.000 đồng/m² = 635.918.600 đồng. Đối với tài sản gắn liền với đất gồm nhà và các loại cây trồng trên phần đất S2 là tài sản do anh T xây dựng, tôn tạo và trồng nên anh T được quyền tiếp tục sử dụng.

(Chiều dài, từ cận phần diện tích đất S1 và S2 giao cho chị T, anh T được quyền sử dụng thể hiện tại sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất được giao theo nội dung của quyết định này

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp 18.007.000 đồng tiền án phí để nộp vào ngân sách nhà nước nhưng chị T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp trước đây tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002260 ngày 10 tháng 12 năm 2025. Số tiền án phí chị T còn phải nộp là 10.507.000 đồng

+ Ông Nguyễn Văn T phải nộp 14.718.000 đồng tiền án phí để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.000.000 đồng. Chị T và anh T thỏa thuận nộp mỗi người 4.000.000 đồng để chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Chị T và anh T đã nộp đủ)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tướng Thị Hà

